

Số: 30 /TTYT-KD-TTB-VTYT

Đak Pơ, ngày 25 tháng 6 năm 2025

V/v yêu cầu báo giá Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Trung tâm y tế huyện Đak Pơ từ nguồn kinh phí không thường xuyên năm 2025.

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các tổ chức/cá nhân cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-SYT ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai; Công văn số 1217/STC-QLGCS ngày 17/4/2023 của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 52/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 89/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ (không thuộc đối tượng là tài sản công) thuộc dự toán mua sắm áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 93/2024/NQ-HĐND ngày 04/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Bãi bỏ khoản 2 Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của tỉnh Gia Lai; Công văn số 2617/UBND-KTTH ngày 07/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc triển khai Nghị quyết số 93/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh;

Căn cứ thông tư 08/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;

Căn cứ Quyết định số 1024/QĐ-SYT ngày 28/10/2019 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh mục và định mức máy móc, trang thiết bị chuyên dùng khác thuộc lĩnh vực y tế cho các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị và chuyển đổi số của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Gia Lai năm 2025.

Trung tâm y tế huyện Đak Pơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hoá với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Đak Pơ.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá và cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược -TTB – VTYT, Trung tâm y tế huyện Đak Pơ.; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, Thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai; (Đơn vị gửi file báo giá đến địa chỉ email: kddakpo@gmail.com và gửi báo giá gốc về địa chỉ nêu trên). SĐT: 0979.419.460
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h ngày 25 tháng 6 năm 2025 đến 09 h ngày 07 tháng 7 năm 2025;
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ 07 tháng 7 năm 2025.
- Yêu cầu các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi kèm theo báo giá: hồ sơ kê khai giá trang thiết bị y tế theo Quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.
- Yêu cầu các hãng sản xuất, nhà cung cấp vui lòng báo giá theo Mẫu báo giá tại phụ lục 2 đính kèm.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế: (Phụ lục 1 đính kèm)

Lưu ý:

► Cấu hình trên là cấu hình cơ bản để tham khảo nhằm xây dựng dự toán cho gói thầu. Nhà thầu căn cứ cấu hình cơ bản để làm cơ sở chào giá cho phù hợp, nhà thầu có thể chào giá với cấu hình tương đương hoặc ưu việt hơn và đảm bảo giá chào phù hợp với dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt. Giá chào là giá để chủ đầu tư làm căn cứ xây dựng giá gói thầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ và Khoản 32 Điều 2 Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

► Trung tâm y tế huyện Đak Pơ yêu cầu Quý nhà thầu cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình, giá chào là giá do nhà thầu tự cân đối tất cả các chi phí liên quan dựa trên thông số kỹ thuật, cấu hình mà nhà thầu chào và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin do mình cung cấp.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Trung tâm y tế huyện Đak Pơ.; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, Thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

- Nhà thầu chào giá với Mức giá đã bao gồm tất cả các loại thuế, các loại phí và chi phí vận chuyển đến Trung tâm y tế huyện Đak Pơ.

Các nội khác sẽ thống nhất khi ký kết hợp đồng.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: Tối đa 50% (Nhà thầu phải nộp một Bảo lãnh tiền tạm ứng của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hợp pháp tại Việt Nam cho Chủ đầu tư (giá trị bảo lãnh tạm ứng bằng giá trị tạm ứng) theo Mẫu số 19 Phần 4 (tại Mẫu số 4A hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) hoặc mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận).

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 120 ngày kể từ ngày nhà thầu cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

Hình thức nhận hồ sơ: **01 bộ hồ sơ bản giấy + 01 USB chứa bản mềm toàn bộ tài liệu cung cấp** (Có file word hoặc file excel báo giá, thông số kỹ thuật). 

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, KD-TTB-VTTYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Thị Anh Hoà

Phụ lục 1

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 30 /TTYT-KD-TTB-VTTYT ngày 25 / 6 /2025 của Trung tâm y tế huyện Đắk Pơ)

Stt	Tên và thông số kỹ thuật của thiết bị y tế	Số lượng	Đơn vị tính
1	MÁY SÚC RỬA DẠ DÀY I. YÊU CẦU CHUNG: Thiết bị sản xuất năm 2024 trở về sau, máy mới 100%. Máy được sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016 - Xuất xứ : Châu á hoặc tương đương – Nguồn điện AC220±22V, 50±1Hz – <i>Môi trường hoạt động</i> + Nhiệt độ môi trường 5 - 40 °C + Độ ẩm tương đối ≤ 80% II. CẤU HÌNH CUNG CẤP: + Máy chính : 01 Cái + Dây nguồn : 01 Cái + Ống dạ dày: 03 Cái + Đường ống dẫn : 03 bộ + Kẹp nhựa : 03 Cái + Sách hướng dẫn sử dụng: 01 quyển <i>Nhà thầu phải liệt kê và cung cấp đầy đủ các phụ kiện tiêu chuẩn và các phụ kiện khác kèm theo đảm bảo thiết bị hoạt động đúng chức năng</i> III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT: – Công suất: 80VA – Độ ồn: ≤55dB(A) – Áp lực rửa dạ dày(Kpa) Tự động 47-55 (áp lực tuyệt đối) – Dòng chảy rửa dạ dày – Điều kiện đầu ra: 450 (ml/T) – Điều kiện đầu vào: 350 (ml/T) – Cân bằng thể tích chất lỏng: (250 ml/T) – Chu kỳ rửa dạ dày (S) <40 – Loại cầu chì Ø 5 x 20 / 2A IV.YÊU CẦU KHÁC - Thiết bị phải được bảo hành ≥12 tháng, bảo trì 4 tháng/ lần trong suốt	1	Cái

	thời gian bảo hành. - Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật. - Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam. - Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng - Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 6 năm, nhà cung cấp bàn giao đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng.																																														
2	BỘ DỤNG CỤ TIỂU PHẪU I. YÊU CẦU CHUNG: Thiết bị sản xuất năm 2024 trở về sau, máy mới 100%. Sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EU MDR. Chất liệu bằng thép không gỉ, sai số cho phép $\pm 2\%$. - Xuất xứ: Nước sản xuất hoặc hãng chủ sở hữu thuộc G7 II. CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT: <table> <tr> <th>Stt</th><th>Tên hàng hoá</th><th>SL</th><th>ĐVT</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Kẹp kim MAYO-HEGAR cán vàng, bước răng 0.5mm, dùng cho chỉ từ 3/0 và lớn hơn, dài 16.0CM</td><td>1</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Kẹp phẫu tích Standard, thẳng, dài 16CM</td><td>2</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Kẹp mô Standard, 1X2 răng, dài 16CM</td><td>2</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Kéo phẫu thuật cong, nhọn/nhọn, dài 16.5CM</td><td>1</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Kéo phẫu tích METZENBAUM thẳng, tù/tù, dài 14.5CM</td><td>1</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>6</td><td>Kẹp khăn BACKHAUS, dài 13CM</td><td>4</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>7</td><td>Kẹp mạch máu KOCHER-DELICATE 1x2 răng, thẳng dài 13CM</td><td>2</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>8</td><td>Kẹp phẫu thuật ROCHESTER-PEAN, cong, dài 14CM</td><td>4</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>9</td><td>Kẹp mạch máu HALSTED-MOSQUITO cong dài 12.5CM</td><td>6</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>10</td><td>Cán dao số 3</td><td>1</td><td>Cái</td></tr> </table>	Stt	Tên hàng hoá	SL	ĐVT	1	Kẹp kim MAYO-HEGAR cán vàng, bước răng 0.5mm, dùng cho chỉ từ 3/0 và lớn hơn, dài 16.0CM	1	Cái	2	Kẹp phẫu tích Standard, thẳng, dài 16CM	2	Cái	3	Kẹp mô Standard, 1X2 răng, dài 16CM	2	Cái	4	Kéo phẫu thuật cong, nhọn/nhọn, dài 16.5CM	1	Cái	5	Kéo phẫu tích METZENBAUM thẳng, tù/tù, dài 14.5CM	1	Cái	6	Kẹp khăn BACKHAUS, dài 13CM	4	Cái	7	Kẹp mạch máu KOCHER-DELICATE 1x2 răng, thẳng dài 13CM	2	Cái	8	Kẹp phẫu thuật ROCHESTER-PEAN, cong, dài 14CM	4	Cái	9	Kẹp mạch máu HALSTED-MOSQUITO cong dài 12.5CM	6	Cái	10	Cán dao số 3	1	Cái	10	Bộ
Stt	Tên hàng hoá	SL	ĐVT																																												
1	Kẹp kim MAYO-HEGAR cán vàng, bước răng 0.5mm, dùng cho chỉ từ 3/0 và lớn hơn, dài 16.0CM	1	Cái																																												
2	Kẹp phẫu tích Standard, thẳng, dài 16CM	2	Cái																																												
3	Kẹp mô Standard, 1X2 răng, dài 16CM	2	Cái																																												
4	Kéo phẫu thuật cong, nhọn/nhọn, dài 16.5CM	1	Cái																																												
5	Kéo phẫu tích METZENBAUM thẳng, tù/tù, dài 14.5CM	1	Cái																																												
6	Kẹp khăn BACKHAUS, dài 13CM	4	Cái																																												
7	Kẹp mạch máu KOCHER-DELICATE 1x2 răng, thẳng dài 13CM	2	Cái																																												
8	Kẹp phẫu thuật ROCHESTER-PEAN, cong, dài 14CM	4	Cái																																												
9	Kẹp mạch máu HALSTED-MOSQUITO cong dài 12.5CM	6	Cái																																												
10	Cán dao số 3	1	Cái																																												

	<table> <tr> <td>11</td><td>Bộ banh FARABEUF, Fig 1+2, dài 12CM</td><td>1</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>12</td><td>Kéo METZENBAUM- DELICATE cán vàng, cong, tù/tù, dài 18.0CM</td><td>2</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>13</td><td>Kẹp FOERSTER-BALLENGER, thẳng, ngàm răng cưa, dài 18CM</td><td>2</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>14</td><td>Khay quả đậu, dài 250MM, 850ML</td><td>1</td><td>Cái</td></tr> <tr> <td>15</td><td>Hộp đựng dụng cụ, nắp có núm, kích thước 305X205X50MM</td><td>1</td><td>Cái</td></tr> </table>	11	Bộ banh FARABEUF, Fig 1+2, dài 12CM	1	Cái	12	Kéo METZENBAUM- DELICATE cán vàng, cong, tù/tù, dài 18.0CM	2	Cái	13	Kẹp FOERSTER-BALLENGER, thẳng, ngàm răng cưa, dài 18CM	2	Cái	14	Khay quả đậu, dài 250MM, 850ML	1	Cái	15	Hộp đựng dụng cụ, nắp có núm, kích thước 305X205X50MM	1	Cái		
11	Bộ banh FARABEUF, Fig 1+2, dài 12CM	1	Cái																				
12	Kéo METZENBAUM- DELICATE cán vàng, cong, tù/tù, dài 18.0CM	2	Cái																				
13	Kẹp FOERSTER-BALLENGER, thẳng, ngàm răng cưa, dài 18CM	2	Cái																				
14	Khay quả đậu, dài 250MM, 850ML	1	Cái																				
15	Hộp đựng dụng cụ, nắp có núm, kích thước 305X205X50MM	1	Cái																				
	V. YÊU CẦU KHÁC -Thiết bị phải được bảo hành ≥ 12 tháng, bảo trì 4 tháng/ lần trong suốt thời gian bảo hành. - Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật. - Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam. - Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng. - Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 6 năm, nhà cung cấp bàn giao đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng.																						
3	ĐÈN KHÁM BỆNH (ĐÈN TIỂU PHẪU LED 4 BÓNG) I. YÊU CẦU CHUNG: Thiết bị sản xuất năm 2024 trở về sau, máy mới 100%. Sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Xuất xứ: Châu Á hoặc tương đương. II. CẤU HÌNH CUNG CẤP - Đèn chính: 01 cái - Cánh tay mang đèn: 01 cái - Đầu đèn: 01 cái - Bộ điều khiển gắn đầu đèn: 01 cái - Đế đèn + bánh xe di chuyển: 01 bộ - Dây nguồn kết nối: 01 bộ	1	Cái																				

	- Hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 bộ III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT - Độ sáng trung tâm Ec: 55.000-160.000 Lx (có thể điều chỉnh) - Đường kính trường sáng D10: $120\text{mm} \leq d10 \leq 220\text{mm}$ - Nhiệt độ màu: $4800\text{K} \pm 300\text{K}$ - Độ sâu trường sáng: 500mm - Chiều cao đèn: 1900mm - Kích thước đầu đèn: 500mm - Khoảng cách tối đa giữa giá đỡ đèn và khung đèn: 1100mm IV. YÊU CẦU KHÁC - Thiết bị phải được bảo hành ≥ 12 tháng, bảo trì 4 tháng/ lần trong suốt thời gian bảo hành. - Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật. - Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam. - Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng. - Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 6 năm, nhà cung cấp bàn giao đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng.		
4	MÁY PHÂN TÍCH NƯỚC TIỂU (11 THÔNG SỐ) I. YÊU CẦU CHUNG: Thiết bị mới 100% Năm sản xuất: 2024 trở đi Nguồn điện sử dụng 100-250V, 50 Hz Thiết bị đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Điều kiện môi trường hoạt động: nhiệt độ tối đa đến 35°C, độ ẩm tối đa đến 85% Xuất xứ: Châu Á hoặc tương đương <i>Nhà thầu phải liệt kê và cung cấp đầy đủ các phụ kiện tiêu chuẩn và các phụ kiện khác kèm theo đảm bảo thiết bị hoạt động đúng chức năng</i> II. CẤU HÌNH CUNG CẤP:	1	Cái

- Máy chính kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái

Bao gồm:

+ Máy in nhiệt tích hợp: 01 cái

+ Que thử 11 thông số: 01 hộp

+ Khay chuyển que thử: 02 chiếc

+ Bàn phím chống thấm nước: 01 cái

- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ

III. YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Phương pháp đo: đo sáng phản xạ

- Có các chế độ hoạt động: chung / từng que / nhanh

- Có thể nâng cấp phần mềm được

- Có thể truy cập được với hệ thống thông tin phòng lab (LIS)

- Công suất 300 xét nghiệm/ giờ (tối đa 1.000 xét nghiệm/ giờ)

- Có thể nhập ID bằng bộ đọc mã vạch hoặc bàn phím ngoài

- Bộ nhớ 2000 xét nghiệm

- In kết quả: thông qua máy in nhiệt tích hợp

- Thời gian đọc mất 120 giây cho Leukocyte và 60 giây cho các thông số khác

- Các chỉ số của que thử:

+ Glu (Glucose)

+ Pro (Protein)

+ pH

+ Bld (Blood)

+ Ket (Ketone)

+ Nit (Nitrite)

+ Bil (Bilirubin)

+ Uro (Urobilinogen)

+ SG (Specific Gravity)

+ Leu (Leukocytes)

+ AsA (Ascorbic Acid)

IV. YÊU CẦU KHÁC

- Thiết bị phải được bảo hành ≥ 12 tháng, bảo trì 4 tháng/ lần trong suốt thời gian bảo hành.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật.

	- Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam. Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng. - Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 6 năm, nhà cung cấp bàn giao đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng.		
5	TỦ ĐẦU GIƯỜNG NHỰA I. YÊU CẦU CHUNG: Thiết bị mới 100% Năm sản xuất: 2024 trở đi Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Xuất xứ: Châu Á hoặc tương đương II. CẤU HÌNH CHO MỘT THIẾT BỊ: - Tủ đầu giường hoàn chỉnh: 01 cái - Bánh xe: 04 cái III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT: Kích thước: 470 x 470 x 750mm (+/-5%) (chưa bánh xe) Vật liệu: Nhựa PP Chân có 4 bánh xe phi 40 mm, 2 bánh có khóa cố định Phía bên trên có 1 mặt bàn để đồ ăn có thể kéo ra vào được Giữa là 1 ngăn kéo để vật dụng Khoang chứa đồ có cánh tủ bên trong có 1 đợt nhựa chia thành 2 ngăn Hai bên cạnh tủ có móc treo và khung treo khăn có thể gấp gọn IV. YÊU CẦU KHÁC - Thiết bị phải được bảo hành ≥ 12 tháng, bảo trì 4 tháng/ lần trong suốt thời gian bảo hành. - Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật. - Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam. - Cam kết cung cấp Phiếu xuất xưởng khi giao hàng. - Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 6 năm, nhà cung cấp bàn giao đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng.	10	Cái

6	NỆM GIƯỜNG BỆNH NHÂN I. YÊU CẦU CHUNG: Thiết bị mới 100% Năm sản xuất: 2024 trở đi Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Xuất xứ: Châu Á hoặc tương đương II. CẤU HÌNH CHO MỘT THIẾT BỊ: - Nệm chính: 01 cái III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT Kích thước: DxRx C - Dài: 1900 mm - Rộng: 900 mm - Cao: 50 mm - Đệm xốp cứng bọc giả da không thấm nước. - Đệm gồm 2 phần: + Phần nâng đầu và lưng dài 560 mm + Phần thân dài: 1340 mm IV. YÊU CẦU KHÁC - Thiết bị phải được bảo hành ≥ 12 tháng, bảo trì 4 tháng/ lần trong suốt thời gian bảo hành. - Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật. - Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam. - Cam kết cung cấp phiếu xuất xưởng khi giao hàng. - Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 6 năm, nhà cung cấp bàn giao đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng.	10	Cái
7	MÁY ĐIỆN TIM 12 KÊNH I. YÊU CẦU CHUNG: Chất lượng hàng: Mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016, FDA Điện áp hoạt động: 100-240V Môi trường hoạt động: nhiệt độ tối đa đến 35°C, độ ẩm tối đa đến 80% - Xuất xứ máy chính: Nhóm nước G7. <i>Nhà thầu phải liệt kê và cung cấp đầy đủ các phụ kiện tiêu chuẩn và các phụ kiện khác kèm theo đảm bảo thiết bị hoạt động đúng chức năng</i>	1	Cái

II. CẤU HÌNH:

- | | |
|--|------------|
| 1. Máy chính tích hợp máy in nhiệt | : 01 máy |
| 2. Phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo | |
| + Cáp điện tim | 01 chiếc |
| + Điện cực hút | : 06 chiếc |
| + Điện cực kẹp | : 04 chiếc |
| + Giấy ghi | : 01 chiếc |
| + Dây nguồn | : 01 chiếc |
| + Cầu chì | : 02 chiếc |
| + Pin Li-ion | : 01 chiếc |
| 3. Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt | : 01 bộ |

III. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Màn hình màu độ phân giải cao và bàn phím chữ và số.
- Bộ nhớ trong dung lượng cao.
- Chế độ ba mẫu: Mẫu trước, Thời gian thực, Xem trước kích hoạt
- 3, 6 & 12 Kênh.
- Phát hiện chính xác cho các điện cực hỏng.
- Định dạng in linh hoạt.
- Nhiều định dạng tệp: DAT, PDF và các định dạng Tùy chọn (SCP / FDA-XML / DIACOM).
- Chức năng đo lường và chức năng giải thích.
- 12 đạo trình đồng thời thu thập, phân tích và in ấn.
- Hỗ trợ nhập dữ liệu đa ngôn ngữ.
- Phát hiện máy tạo nhịp tim.
- Máy ghi nhiệt tích hợp.
- Dữ liệu ECG có thể được truyền trực tiếp đến một PC
- Hoạt động thiết lập hệ thống và quản lý tập tin thuận lợi
- Hỗ trợ máy quét mã vạch. (tùy chọn mua thêm)
- WiFi (tùy chọn mua thêm)
- Cổng giao tiếp Ethernet và RS232.
- Tích hợp pin dự phòng có thể sạc lại.
- Điện áp 100V ~ 240V - 50 / 60Hz.

III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màn	Độ phân giải	Màn hình đa màu LCD 800 x 600
-----	--------------	-------------------------------

	hình				
	ECG	Đạo trình	12 đạo trình chuẩn		
		Chế độ thu nhận	Đồng thời 12 đạo trình		
		Độ phân giải A/D	24bit		
		Thời gian cố định	$\geq 3.2s$		
		Tần số phản hồi	0.05Hz ~150Hz (-3dB)		
		Độ nhạy	2.5, 5, 10, 20, 10/5, AGC (mm/mV)		
		Trở kháng đầu vào	$\geq 50M\Omega$ (10Hz)		
		Mạch điện đầu vào	$\leq 0.01\mu A$		
		Phạm vi điện thế đầu vào	$\leq \pm 5$ mVpp		
		Điện áp hiệu chuẩn	1mV $\pm$ 2%		
		Điện áp bù DC	± 600 mV		
		Độ ồn	≤ 12.5 μ Vp-p		
		Crosstalk đa kênh	≤ 0.5 mm		
	Bộ lọc	Bộ lọc AC	Bật / Tắt		
		Bộ lọc DFT	0.05Hz/0.15Hz/0.25Hz/0.32Hz/0.5Hz/0.67Hz		
		Bộ lọc EMG	Tắt/25Hz/35Hz/45Hz		
		Bộ lọc thông thấp	150Hz/100Hz/75Hz		
		CMRR	≥ 115 dB		
		Tần số lấy mẫu	1000Hz		
	Bên	Đầu vào	$\geq 100K \Omega$, độ nhạy 10mm/V $\pm$ 5%, kết thúc		

	ngoài		đơn
		Đầu ra	$\leq 100K \Omega$, độ nhạy 1V/mV $\pm 5\%$, kết thúc đơn
	Phát hiện máy tạo nhịp tim	Biên độ	± 2 to ± 700 mV
		Chiều rộng	0.1 to 2.0 ms
		Tốc độ mẫu	10.000 / giây / kênh
	Nhận biết nhịp tim	Kỹ thuật	Phát hiện đỉnh- đỉnh
		Phạm vi	30 ~ 300 nhịp/ phút
		Độ chính xác	± 1 nhịp/phút
	In	Máy in	Máy in nhiệt đa điểm
		Mật độ in	8 chấm trên mm / 200 chấm trên mỗi inch (trục biên độ)
			40 chấm trên mm / 1000 chấm trên mỗi inch (trục thời gian, @ 25 mm / s)
		Giấy in	Giấy in nhiệt cuộn lại được 210mm $\times$ 295mm $\times$ 100 trang
		Độ rộng	203mm
		Tốc độ giấy	5mm/s, 6.25mm/s, 10mm/s, 12.5mm/s, 25mm/s, 50mm/s ($\pm 3\%$)
		Độ chính xác của dữ liệu	$\pm 5\%$ (x-trục), $\pm 5\%$ (y-trục)
	Nguồn điện	Điện áp hoạt động	100-240V
		Tần suất hoạt động	50/60Hz
		Đầu vào hiện tại	0.9-0.4A
		Điện áp Pin Li-on	14.8V / 4400mAh hoặc 2500mA
		Thời gian sạc	4400mAh (6 giờ) / 2500mAh (4 giờ)
		Cầu chì	T1AL250VP Ø5 $\times$ 20
	Môi	Nhiệt độ hoạt	+5°C (+41°F) ~ +40°C (+104°F)

	trường	động			
		Độ ẩm hoạt động	25% ~80% không ngưng tụ		
		Áp suất khí quyển	860hPa ~1060hPa		
		Nhiệt độ vận chuyển và lưu trữ	-20C (-4F) ~ +55C (+131F)		
		Độ ẩm vận chuyển và lưu trữ	25% ~93% không ngưng tụ		
		Áp suất khí quyển	700hPa ~1060hPa		
Cổng giao tiếp	Cổng	Ethernet, RS232, USB			
IV. YÊU CẦU KHÁC - Thiết bị phải được bảo hành ≥12 tháng, bảo trì 4 tháng/ lần trong suốt thời gian bảo hành. - Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật. - Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam. - Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng. - Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 6 năm, nhà cung cấp bàn giao đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng.					
8	BỘ ĐỒ ĐỀ (BỘ DỤNG CỤ ĐỒ ĐỀ) I. YÊU CẦU CHUNG: Thiết bị sản xuất năm 2024 trở về sau, máy mới 100%. Sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EU MDR Chất liệu bằng thép không gỉ, sai số cho phép ±2%. - Xuất xứ: Nước sản xuất hoặc hãng chủ sở hữu thuộc G7. II. CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT:			1	Bộ

Stt	Tên hàng hoá	SL	ĐVT
1	Panh sát khuẩn GROSS-MAIER, thẳng, dài 25CM	1	Cái
2	Kẹp FOERSTER-BALLENGER, thẳng, ngàm răng cưa, dài 25CM	2	Cái
3	Kéo phẫu thuật cong, nhọn/nhọn, dài 15.5CM	1	Cái
4	Kéo phẫu thuật MAYO-STILLE thẳng, tù/tù, dài 15.0CM	1	Cái
5	Kéo phẫu thuật MAYO-STILLE cong, tù/tù, dài 15.0CM	2	Cái
6	Kẹp phẫu tích NARROW, dài 20CM	2	Cái
7	Kẹp mô Standard, 1X2 răng, dài 16CM	2	Cái
8	Kẹp phẫu tích Standard, thẳng, dài 16CM	1	Cái
9	Kẹp lấy thai SIMPSON-BRAUN, dài 36CM	1	Cái
10	Kẹp mạch máu CRILE-RANKIN cong dài 16CM	2	Cái
11	Kẹp kim MAYO-HEGAR-DELICATE, ngàm răng cưa có rãnh dọc, dài 18.0CM	1	Cái
12	Kẹp kim MAYO-HEGAR, ngàm răng cưa có rãnh dọc, dài 20.0CM	1	Cái
13	Kéo cắt dây rốn MOD.USA, dài 10.5CM	1	Cái
14	Kẹp mạch máu OCHSNER-KOCHER thẳng dài 20CM	2	Cái
15	Bát tròn, kích thước Ø 80X40MM, dung tích 140ml	2	Cái
16	Hộp đựng dụng cụ, nắp có núm, kích thước 305X205X50MM	1	Cái

III. YÊU CẦU KHÁC

- Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật.

	- Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam. - Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng. - Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 6 năm, nhà cung cấp bàn giao đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng.		
9	MÁY CẮT BỘT (CỬA CẮT BỘT) I. YÊU CẦU CHUNG Hàng mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau. Thiết bị đạt chứng nhận chất lượng ISO 13485:2016. Nguồn điện sử dụng 220V; 50Hz $\pm 10\%$ - Xuất xứ máy chính: Nhóm nước G7. <i>Nhà thầu phải liệt kê và cung cấp đầy đủ các phụ kiện tiêu chuẩn và các phụ kiện khác kèm theo đảm bảo thiết bị hoạt động đúng chức năng</i> II. CUNG CẤP BAO GỒM - 01 Cửa bột - 01 Lưỡi cửa tròn 50mm (HB 8895-02) - 01 Lưỡi cửa tròn 65mm (HB 8896-02) - 02 Cờ lê (E 8894-01) III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT: - Công suất: 250W - Độ dao động: 12.000 - 21.000 vòng/phút - Độ ồn (phân loại A) 68-82dB (A) IV. YÊU CẦU KHÁC - Thiết bị phải được bảo hành ≥ 12 tháng, bảo trì 4 tháng/ lần trong suốt thời gian bảo hành. - Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật. - Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam. - Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng. - Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 6 năm, nhà cung cấp bàn giao đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng.	1	Cái

BỘ NẠO THAI (BỘ DỤNG CỤ NẠO THAI)

I. YÊU CẦU CHUNG:

Thiết bị sản xuất năm 2024 trở về sau, máy mới 100%.

Sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EU MDR

Chất liệu bằng thép không gỉ, sai số cho phép $\pm 2\%$.

- Xuất xứ: Nước sản xuất hoặc hãng chủ sở hữu thuộc G7.

II. CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Stt	Tên hàng hoá	SL	ĐVT
1	Panh sát khuẩn GROSS-MAIER, thẳng, dài 25CM	1	Cái
2	Kẹp cổ tử cung SCHROEDER, dài 25CM	2	Cái
3	Thước đo tử cung, có thể uốn, có chia độ, dài 32CM	1	Cái
4	Van âm đạo DOYEN, kích thước 85X35MM	1	Cái
5	Banh âm đạo KRISTELLER, 105X28MM, Fig.2	1	Cái
6	Que nong cổ tử cung, 3.0/4.0MM	1	Cái
7	Que nong cổ tử cung, 5.0/6.0MM	1	Cái
8	Que nong cổ tử cung, 7.0/8.0MM	1	Cái
9	Que nong cổ tử cung, 9.0/10.0MM	1	Cái
10	Que nong cổ tử cung, 11.0/12.0MM	1	Cái
11	Que nong cổ tử cung, 13.0/14.0MM	1	Cái
12	Que nong cổ tử cung, 15.0/16.0MM	1	Cái
13	Que nong cổ tử cung, 17.0/18.0MM	1	Cái
14	Thìa nạo tử cung GOURDET, dài 28CM, Fig.2	1	Cái
15	Thìa nạo tử cung GOURDET, dài 28CM, Fig.3	1	Cái
16	Nạo tử cung SIMS, tù, cứng, dài 31CM, 8MM	1	Cái
17	Nạo tử cung SIMS, tù, cứng, dài 31CM, 9MM	1	Cái
18	Kẹp FOERSTER-BALLENGER, thẳng, ngàm răng cưa, dài 25CM	1	Cái
19	Kẹp FOERSTER-BALLENGER, cong, ngàm trơn, dài 25CM	1	Cái
20	Kẹp phẫu thuật ROCHESTER-PEAN, cong, dài 16CM	2	Cái
21	Bát tròn, kích thước Ø 80X40MM, dung tích	1	Cái

10

1

Bộ

	140ml					
	22	Khay quả đậu, dài 250MM, 850ML	1	Cái		
	23	Khay lưới đựng dụng cụ, kích thước 245x245x70mm	1	Cái		
	24	Nắp hộp tiết trùng, có đục lỗ, kích thước 285X280MM	1	Cái		
	25	Đáy hộp tiết trùng, không đục lỗ, kích thước 285X280X135MM	1	Cái		
	IV. YÊU CẦU KHÁC - Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật. - Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam. Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng. - Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 6 năm, nhà cung cấp bàn giao đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng.					
11	MÁY ĐIỆN CHÂM I. YÊU CẦU CHUNG Hàng mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau. Thiết bị đạt chứng nhận chất lượng ISO 13485:2016. Nguồn điện sử dụng 220V; 50Hz ±10% Xuất xứ: Châu Á hoặc tương đương. <i>Nhà thầu phải liệt kê và cung cấp đầy đủ các phụ kiện tiêu chuẩn và các phụ kiện khác kèm theo đảm bảo thiết bị hoạt động đúng chức năng</i> II. CẤU HÌNH CUNG CẤP Máy chính: 01 cái Adapter chuyển đổi dòng điện: 01 cái Bộ điện cực cao su chì và điện cực dán: 01 bộ Bộ dây châm cứu kèm kẹp cá sấu (kim): 05 bộ Bộ dây kết hợp miếng dán: 01 bộ				5	Cái

	Bút dò huyết: 01 cái Hướng dẫn sử dụng Anh/Việt: 01 bộ III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT Độ nhạy của đầu dò huyết: Khi trở kháng cơ thể $R=20K\Omega\sim500K\Omega$, $\Delta R=-20K\Omega$, $R=510K\Omega\sim1M\Omega$, $\Delta R=-50K\Omega$ - Công suất tiêu hao tối đa: 5kW. - Tiêu chuẩn an toàn: Type II-BF hoặc tương đương - Điện năng cung cấp cho Adapter: Đầu vào: 220V/50Hz - Đầu ra: DC9V/150mA IV. YÊU CẦU KHÁC - Thiết bị phải được bảo hành ≥ 12 tháng, bảo trì 4 tháng/ lần trong suốt thời gian bảo hành. - Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật. - Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam. - Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng. - Nhà cung cấp phải cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 6 năm, nhà cung cấp bàn giao đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng.	
	Tổng cộng: 11 khoản	

(Đề nghị nhà thầu gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

Phụ lục 2

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 30 / TTYT – KD- TTB – VTYT ngày 25 / 6 /2025 của Trung tâm y tế huyện Đắk Pơ)

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm y tế huyện Đắk Pơ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá Số 30 / TTYT – KD- TTB – VTYT ngày 25 / 6 /2025 của Trung tâm y tế huyện Đắk Pơ, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế:

Stt	Tên thiết bị y tế	Mã HS	Thông số kỹ thuật	Model	Hãng/nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn gia (Có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy súc rửa dạ dày							Cái	01		
2	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu phẫu							Bộ	10		
3	Đèn tiêu phẫu led							Cái	1		
4	Máy phân tích nước tiểu (11 thông số)							Cái	1		
5	Tủ đầu giường							Cái	10		
6	Đệm bệnh nhân							Cái	10		
7	Máy điện tim (máy điện tim 12 kênh)							Cái	1		
8	Bộ dụng cụ đỡ đẻ							Bộ	1		
9	Máy cắt bột (cưa cắt bột)							Cái	1		
10	Bộ dụng cụ nạo thai							Bộ	1		

Stt	Tên thiết bị y tế	Mã HS	Thông số kỹ thuật	Model	Hãng/nước chủ sở hữu	Năm sản xuất	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn gia (Có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
11	Máy điện châm							Cái	5		

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ 07 tháng 7 năm 2025.
3. Chúng tôi cam kết:
 - Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng ... năm 2025
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))